

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+RCDM+RC8	7:25	11+5+3	0+0+0		13+2+7	0+0+0	chuyen 1 RC5-RCdm
2		RP1+BK10+P10	7:25	21+0+0	0+0+0		10+9+3	0+0+0	
3		RP3+GTCl	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
4		PBDA+RP3	9:25	3+19	0+0		3+19	0+0	
5		CTK3+BK16+VSP02	9:25	0+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 ctk3-bk16
6		TD1+P2+RP1	9:25	9+0+11	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
7		VSP02+RCDM+RC4	11:40	10+3+8	0+0+0		7+4+8	0+0+0	
8		P5+P4+RP3	11:40	5+2+13	0+0+0		4+2+14	0+0+0	
9		RC6+RP1+RP2	11:40	18+1+0	0+0+0		5+10+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RCdm-Ing. 1 người RC5 về đi RC4



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC5 - RCDM - RC8	CREW: LINH - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/3354		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CAO THANH HỢP	RC5						68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG MẠNH PHI	RC5	43-44	2	13			78	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ THANH TÚ	RC5	47	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	50	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HUY	RC5	94	1	8	1	16	80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUÂN THÀNH	RC5	54	1	9	2	25	68	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ HOÀI NAM	RC5	45-46	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	RC5	48-49	2	18			77	NIPI	Vietnamese
9	KIỀU MINH QUYẾT	RC5	53	1	6			64	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC THÁI	RC5	55-56	2	19			52	BA SON	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC THÀNH	RC5	57	1	6			84	BA SON	Vietnamese
12	IAKHIN RUSTEM	RCDM	34	1	3			82	VRJ	Russian
13	LÊ CHÍ BẢO	RCDM	32	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG TÍN	RCDM	33	1	13			90	KH-THAC	Vietnamese
15	TỬ TUẤN TÚ	RCDM	35	1	5	2	25	92	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG HÙNG	RCDM	30-31	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	RC8	66-67	2	19			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TÚ	RC8	65	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU TIẾN BÌNH	RC8	63-64	2	9	3	10	61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	11	788	14	102	3	41	13		CHUYỂN 01 TỪ RC5 SANG RCDM 
2	RCDM	5	412	6	40	2	25	2		
3	RC8	3	202	5	37	3	10	7		
TOTAL		19	1.402	25	179	8	76	22		
WEIGHT KG			1.402		179		76			

GRAND TOAL: 1.657 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RP1 - BK10 - P10	CREW: HUNG - N.CƯƠNG - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3357	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN TÙNG	RP1	96	1	5	2	25	63	KH-THAC	Vietnamese
2	HUỖNH MINH SANG	RP1	86	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BÁ DUY	RP1	83	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY NGỌC	RP1	91	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM BÁ HOÀNG	RP1	08-09	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	88	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
7	BÙI QUANG HOÀN	RP1	600	1	6	1	23	99	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	82	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VŨ TIẾN THÀNH	RP1	97	1	8			96	KH-THAC	Vietnamese
10	HUỖNH MINH TRÍ	RP1	85	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRÍ KHANH	RP1	95	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THANH	RP1	93	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RP1	87	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THẮNG	RP1	02	1	11			97	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	92	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ CÔNG	RP1	90	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	RP1	94	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RP1	03-05	3	15			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	80-81	2	9	1	4	62	KH-THAC	Vietnamese
20	TẶNG THÀNH DÂN	RP1	89	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VŨ HOÀNG	RP1	84	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	21	1.516	25	140	4	52	10		
2	BK10	0	0	0	0	0	0	9		
3	P10	0	0	0	0	3	50	3		
TOTAL		21	1.516	25	140	7	102	22		
WEIGHT KG			1.516		140		102			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO: RP3 - GTC1	CREW: TTRUNG - NAM - THÀNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3360	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ BÁ NAM	RP3	01-02	2	11	1	15	84	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HOAN	RP3	10	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG THANH HÒA	RP3	38	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BẢO TOÀN	RP3	04	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀI THANH	RP3	09	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TRUNG KIÊN	RP3	36-37	2	13			84	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ TẤN CHÂU	RP3	15-16	2	18			80	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TRỌNG PHÚC	RP3	20-21	2	17			73	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ VĂN NIN	RP3	22-23	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	05	1	6			74	KHI	Vietnamese
11	VŨ VĂN HUY	RP3	03	1	5	3	30	62	KHI	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC TIẾN	RP3	06	1	12			70	THIÊN NAM	Vietnamese
13	VÕ THANH SƠN	RP3	17-18	2	20			62	THIÊN NAM	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐẠI	RP3	08	1	5			75	THIÊN NAM	Vietnamese
15	ĐÀO HỮU HẢO	RP3	11	1	17			67	THIÊN NAM	Vietnamese
16	NGUYỄN TẮT PHONG	RP3	13	1	11	1	17	74	THIÊN NAM	Vietnamese
17	ĐẬU VĂN CƯỜNG	RP3	19	1	10			56	THIÊN NAM	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC KÍNH	RP3	14	1	14			72	THIÊN NAM	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC LUÂN	RP3	41	1	11			70	THIÊN NAM	Vietnamese
20	TRẦN ANH TUẤN	RP3	07	1	14			67	THIÊN NAM	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THÀNH	RP3	12	1	15			75	THIÊN NAM	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NHỰT TÂM	RP3	40	1	12			96	THIÊN NAM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	22	1.595	28	246	5	62	20		
2	GTC1	0	0	0	0	1	20	2		
TOTAL		22	1.595	28	246	6	82	22		
WEIGHT KG			1.595		246		82			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PBDA - RP3	CREW: LINH - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3355	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÔ HỒNG QUÝ	PBDA	77	1	19			53	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC MINH	PBDA	75	1	8	1	17	78	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH HUU HOAN	PBDA	73-74	2	11			68	BH	Vietnamese
4	DOÃN HỮU TRUYỀN	RP3	45	1	13	1	20	56	THIÊN NAM	Vietnamese
5	HAMZA REDJAI	RP3	55	1	5	1	5	120	THIÊN NAM	Algeria
6	NGUYỄN NGHĨA TUỖNG	RP3	43	1	14	2	40	67	THIÊN NAM	Vietnamese
7	PHAN TRƯỜNG THÀNH	RP3	49	1	10			73	THIÊN NAM	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG SOÀI	RP3	50	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	44	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
10	VÕ QUỐC THỐNG	RP3	63,65	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	54	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HUNG	RP3	66-67	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HOÀNG VINH	RP3	59	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TRUNG HIẾU	RP3	64	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	53	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	51	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	57-58	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	48	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	61-62	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
20	MÃ ANH TÍT	RP3	52	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	46-47	2	9			58	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN NAM TRUNG	RP3	42	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	3	199	4	38	1	17	3		
2	RP3	19	1.359	24	154	4	65	19		
TOTAL		22	1.558	28	192	5	82	22		
WEIGHT KG			1.558		192		82			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: CTK3 - BK16 - VSP02	CREW: HUNG - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3358	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SERGIENKO S.E	VSP02	59	1	10			88	KH-THAC	Russian
2	LÊ THANH HẢI	VSP02	70,91	2	9			98	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	95-96	2	12	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	61	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KÍNH	VSP02	92	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	63	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	93	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN THAO	VSP02	66-67	2	12			72	YTE	Vietnamese
9	VÔ TÂN LINH	VSP02	68	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	90	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	94	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	69	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	64-65	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM DUY QUẢNG	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH CƯỜNG	VSP02	98	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	60	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	91	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	88	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
19	HA MANH THANG	VSP02	62	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	89	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
21	LỮ SƠN	VSP02	97	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	0	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX CTK3-BK16
2	BK16	0	0	0	0	1	2	0		
3	VSP02	21	1.489	24	141	1	20	22		
TOTAL		21	1.489	24	141	2	22	22		
WEIGHT KG			1.489		141		22			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: TD1 - P2 - RP1	CREW: TTRUNG - NAM - VŨ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/3361		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRUSOV VLADIMIR	TD1	47-48	2	13	1	15	104	KIM THIẾT	Russian
2	SADRYEV RAMIL	TD1	97-98	2	12			86	KIM THIẾT	Russian
3	AKHMADEEV RUSLAN	TD1	49-50	2	14			86	KIM THIẾT	Russian
4	RAKITSKII DENIS	TD1	36,38	2	12			78	KIM THIẾT	Russian
5	TERESHKIN SERGEI	TD1	37	1	17			88	KIM THIẾT	Russian
6	KORCHAGIN ALEKSANDR	TD1	39-40	2	17			100	KIM THIẾT	Russian
7	KURAKIN NIKOLAI	TD1	43-44	2	17			70	KIM THIẾT	Russian
8	SABIRIANOV RENAT	TD1	45-46	2	15			83	KIM THIẾT	Russian
9	ZLOBIN DMITRII	TD1	41-42	2	16			107	KIM THIẾT	Russian
10	TRẦN VĂN LỢI	RP1	37	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
11	HÀ TÂN DŨNG	RP1	32	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN NAM	RP1	30	1	13	2	22	76	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NGÂN	RP1	31	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HIẾU	RP1	41	1	14	1	8	89	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TÂN	RP1	29	1	4			56	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	27	1	4			67	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN TRỌNG	RP1	36	1	6			98	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGHI	RP1	33	1	6			68	PSV	Vietnamese
19	TRUONG QUANG LOC	RP1	28	1	7			91	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	9	802	17	133	1	15	0		
2	P2	0	0	0	0	0	0	6		
3	RP1	10	756	10	83	3	30	16		
TOTAL		19	1.558	27	216	4	45	22		
WEIGHT KG			1.558		216		45			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: VSP02 - RCDM - RC4	CREW: LINH - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3356	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	33	1	9	2	32	73	KH-THAC	Vietnamese
2	BÙI NGUYỄN QUANG	VSP02	28	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	34	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
4	BÙI HUY BÌNH	VSP02	31	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THÁI SƠN	VSP02	27	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUU TRI	VSP02						68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	77	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ VĂN HƯNG	VSP02	32	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	29-30	2	8			78	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGUYEN	VSP02	78	1	8			79	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUẤN	RCDM	30	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ BẢO THÀNH	RCDM	31-32	2	20			85	NIPI	Vietnamese
13	HỒ TRỌNG BẰNG	RCDM	29	1	5			74	PSV	Vietnamese
14	TRẦN MINH THI	RC4	10	1	10	1	20	111	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÂN	RC4	07	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	08-09	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN TỬ	RC4	02-03	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC TÂN	RC4	04-05	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO HẢI NAM	RC4	13-14	2	20			73	NIPI	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH TRUNG	RC4	01	1	6			75	PSV	Vietnamese
21	TRAN CAO KHA	RC4	11-12	2	10			70	BASON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	10	731	10	59	2	32	7		
2	RCDM	3	234	4	34	0	0	4		
3	RC4	8	641	13	99	1	20	8		
TOTAL		21	1.606	27	192	3	52	19		
WEIGHT KG			1.606		192		52			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P5 - P4 - RP3	CREW: HUỠNG - N.ANH - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/3359	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	P5	23	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HIẾU	P5	28	1	13	3	50	80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P5	26-27	2	19			67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ DƯƠNG LONG	P5	29	1	12			85	DVL	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	P5	24-25	2	19			90	DVL	Vietnamese
6	TRAN ANH KHOA	P4	36-37	2	19	5	90	88	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HOAN	P4	38-39	2	19			80	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	82	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO ĐỨC THANH	RP3	77	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC SƠN	RP3	78-79	2	11			83	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUÝ HẢI	RP3	83	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	73	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN HOÀNG SƠN	RP3	80	1	15			105	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN CHUNG	RP3	70	1	16			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	74-75	2	14			60	DVL	Vietnamese
16	NGÔ THANH SƠN	RP3	81	1	10			62	DVL	Vietnamese
17	MAI MINH TIEN	RP3	84	1	3			69	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	71	1	7			67	PSV	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC CHI	RP3	76	1	6			61	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	72	1	3			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	5	391	7	76	3	50	4		
2	P4	2	168	4	38	5	90	2		
3	RP3	13	907	15	105	0	0	14		
TOTAL		20	1.466	26	219	8	140	20		
WEIGHT KG			1.466		219		140			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THI HOA

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
B.CARD: VANG - 3	TO: RC6 - RP1 - RP2	CREW: KHOÀN - MTHAO - VŨ	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/3362	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN TUẤN ANH	RC6	04	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
2	BÙI QUỐC VIỆT	RC6				3	43	76	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ HUY HOÀNG	RC6	56	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6						66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN HẠNH	RC6	98	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ XUÂN THÀNH	RC6	94-95	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN QUANG	RC6	49-50	2	20	1	21	76	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁNH HUNG	RC6	76-77	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HÀM CHUNG	RC6	51-52	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TIẾN	RC6	53-54	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHÙNG THỂ TÀI	RC6	02-03	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯU CÔNG ĐÌNH	RC6	82	1	13			63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	RC6	55	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN DUY AN	RC6	78-79	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRƯƠNG VIỆT HẠNH	RC6	83,92	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VĂN HÙNG	RC6	80-81	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
17	VÕ TÁ HOAN	RC6	96-97	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN CAO MONG	RC6	93	1	9			60	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HỮU	RP1	10	1	10			64	PSV	Vietnamese
20	TRAN VAN KIM	RP1						63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	18	1.250	26	261	4	64	5		
2	RP1	2	127	1	10	0	0	10		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	1.377	27	271	4	64	21		
WEIGHT KG			1.377		271		64			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO

